

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (“FINTECH”) TẠI VIỆT NAM: TỔNG QUAN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MỘT SỐ LĨNH VỰC

*Bài viết là ấn phẩm chung của **TND Legal** và **Kiến Thức Pháp Lý**. Bài viết được dịch bởi **Sỹ Ngọc Thuỳ Trang** từ bài “**Doing Business in Fintech in Vietnam: A Regulatory Overview on Selected Sectors**” do **Nguyễn Quốc Bảo** (lead-author) và **Hoàng Thị Thảo Như** (co-author) đăng tải tại **IR Global**. Xem bài viết tiếng Anh tại [ĐÂY](#).*

Công nghệ tài chính (Fintech) đang phát triển ngày càng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới với điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Fintech hiện tại đang định hình lại phương thức các dịch vụ tài chính được cung cấp cho công chúng. Theo đó, các bên đóng vai trò trung gian dần bị loại bỏ, hướng đến giảm dần sự phụ thuộc vào các tổ chức ngân hàng truyền thống trong hệ thống tài chính. Nhìn chung, thị trường tài chính được cấu thành từ ba nhánh chính, bao gồm ngân hàng, thị trường vốn và bảo hiểm¹. Bài viết này sẽ trình bày ngắn gọn về hành lang pháp lý hiện tại ở Việt Nam đối với từng nhánh nói trên, bao gồm:

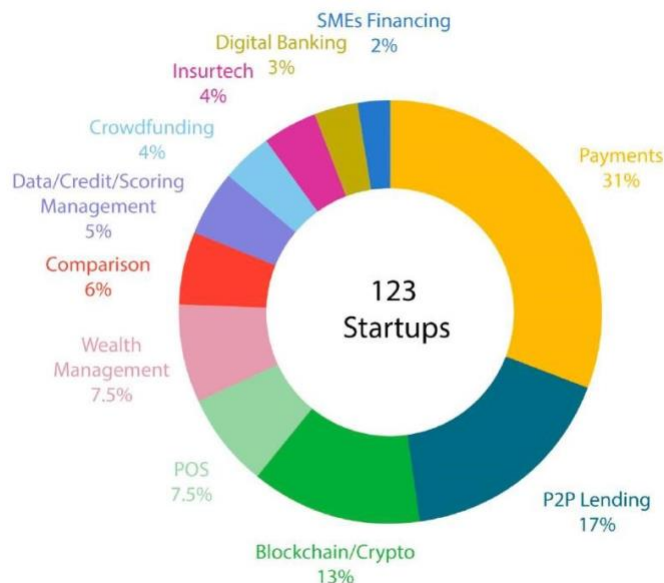
- **Nhánh ngân hàng:** Lĩnh vực thanh toán. Cụ thể là ví điện tử và dịch vụ thanh toán xuyên biên giới giữa các doanh nghiệp (“B2B”);
- **Nhánh ngân hàng và thị trường vốn:** Gọi vốn cộng đồng. Cụ thể là gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay và hình thức góp vốn cổ phần; và
- **Nhánh bảo hiểm:** Công nghệ bảo hiểm (InsurTech).

Tổng quan về Thị trường Fintech tại Việt Nam theo từng lĩnh vực

Theo Báo cáo Fintech Việt Nam năm 2020 của Fintech Singapore², lĩnh vực thanh toán đã và đang là lĩnh vực áp đảo trên thị trường Fintech, chiếm 31% tổng số các công ty Fintech đang hoạt động trong năm 2020; trong khi lĩnh vực gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay, bao gồm cả cho vay ngang hàng (“P2P”) và cho vay tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (“SME”) chiếm gần một phần tư thị trường Fintech. Các nhánh khác liên quan đến gọi vốn cộng đồng (chủ yếu dưới hình thức từ thiện) và InsurTech chiếm một phần khá nhỏ trên thị trường (tổng cộng 8%).

¹ Mark Fenwick, Steven Van Uytsel, Bi Ying, *Regulating Fintech in Asia – Global Context, Local Perspectives* (Springer 2020) 21.

² Fintech Singapore (supported by Switzerland Global Enterprise), *Vietnam Fintech Report 2020*.



Biểu đồ 1 – Bảng thống kê người dùng Fintech tại Việt Nam năm 2020 (Nguồn: Fintech Singapore)

Biểu đồ 2 – Các Công ty khởi nghiệp Fintech tại Việt Nam năm 2020 (Nguồn: Fintech Singapore)

Sự vượt trội của mảng thanh toán là hoàn toàn phù hợp với các chính sách khuyến khích thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ Việt Nam. Trên cơ sở đó, Việt Nam



đã thông qua một hành lang pháp lý quy định về việc cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán của các tổ chức tài chính phi ngân hàng (TCTC phi ngân hàng), cụ thể là các dịch vụ ví điện tử và cổng thanh toán. Ngược lại, gọi vốn cộng đồng không nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà lập pháp cho đến khi các doanh nghiệp cho vay ngang hàng mở rộng thị trường và phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường cho vay ngang hàng ở Trung Quốc rơi vào khủng hoảng do thiếu sự giám sát từ các cơ quan chức năng³. Không giống như lĩnh vực thanh toán và gọi vốn cộng đồng, InsurTech là lĩnh vực nhận được ít sự quan tâm nhất từ các nhà lập pháp. Hầu hết, các công ty InsurTech tại Việt Nam có xu hướng áp dụng công nghệ cho mô hình bảo hiểm truyền thống thay vì đưa ra các sản phẩm bảo hiểm mới có bản chất khác với các sản phẩm thông thường.

Tổng quan về khung pháp lý trong lĩnh vực thanh toán

Dịch vụ ví điện tử (“E-wallet”)

Có thể thấy tại Sơ đồ 2 nêu trên, ví điện tử cùng với các dịch vụ cổng thanh toán hoặc ví điện tử nói riêng đã chiếm lĩnh chủ yếu mảng thanh toán Fintech tại Việt Nam. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), tính đến ngày 02 tháng 07 năm 2021, đã có 43 TCTC phi ngân hàng được cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó có 37 tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ví điện tử⁴. Điều này cho thấy dịch vụ ví điện tử vẫn là một trong những lựa chọn phổ biến nhất đối với những doanh nghiệp Fintech trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

Liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài được phép, pháp luật Việt Nam và cam kết WTO mà Việt Nam là thành viên đều không đặt ra bất kỳ yêu cầu cụ thể nào về tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc hạn chế quyền sở hữu nước ngoài. Theo Luật Đầu tư 2020 vừa được thông qua, Việt Nam đã chuyển hướng tiếp cận thị trường từ “chọn cho” sang “chọn bỏ”. Cụ thể, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp trong nước khi xem xét các điều kiện tiếp cận thị trường cho tất cả các lĩnh vực kinh doanh, ngoại trừ đối với những ngành, nghề được liệt kê là ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc ngành nghề bị cấm kinh doanh theo nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư 2020. Theo đó, lĩnh vực ngân hàng và các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực ngân hàng được liệt kê vào danh mục các hoạt động kinh doanh có điều kiện về tiếp cận thị trường. Do vậy, việc tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp nước ngoài trong dịch vụ trung gian thanh toán phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể theo quy định của pháp luật. Với việc pháp luật hiện hành không có đề cập về vấn đề trên, cơ quan cấp phép tại Việt Nam thường xin ý kiến từ các cơ quan cấp trên để từ đó mới có cơ sở cấp phép cho từng trường hợp cụ thể. Trên thực tế, một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam đã có cổ phần đáng kể thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (ví dụ như MoMo hoặc Payoo) và điều này có nghĩa là

³ Angela Tritto, Yujia He and Victoria Amanda Junaedi, “Governing the gold rush into emerging markets: a case study of Indonesia’s regulatory responses to the expansion of Chinese-backed online P2P lending” (2020) 51 Financial Innovation 1, 7.

⁴ “Danh sách các tổ chức không phải là Ngân hàng được NHNN cấp giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”
<https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/hdt/ctccudvt?centerWidth=80%25&docName=SBV458410&leftWidth=20%25&rightWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&_adf.ctrlsta te=k4ivx8334_78&_afLoop=31828787955057224> truy cập ngày 25 tháng 08 năm 2021.

việc thành lập một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ví điện tử có đa số vốn nước ngoài hoặc thậm chí là 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam không phải là điều không khả thi.

Dưới đây là một số quy định pháp luật đáng chú ý điều chỉnh về dịch vụ ví điện tử tại Việt Nam⁵

- (i) Thứ nhất, một ví điện tử buộc phải được liên kết với ít nhất một tài khoản ngân hàng (đồng Việt Nam) hoặc thẻ ghi nợ được phát hành tại ngân hàng thương mại được phép. Gần đây, một hình thức ví điện tử khác, cụ thể là tiền di động (mobile money) đã được hợp pháp hóa thông qua chương trình thí điểm⁶ mà theo đó, cho phép người không có tài khoản ngân hàng có thể thông qua việc nạp tiền vào tài khoản viễn thông (thay vì sử dụng tài khoản ngân hàng) để thanh toán cho các hàng hóa và dịch vụ có giá trị thấp. Tuy nhiên, tiền di động chỉ được cung cấp thông qua các nhà khai thác mạng di động (“MNOs”).
- (ii) Thứ hai, số tiền trong ví điện tử có thể được sử dụng để thanh toán cho việc mua các hàng hóa hoặc sử dụng các dịch vụ hợp pháp. Pháp luật không xác định thể nào được xem là “hợp pháp” dù có quan điểm cho rằng việc thanh toán cho bất kỳ hàng hóa và dịch vụ hợp pháp nào đều cũng có thể được chấp thuận. Tuy vậy, trên thực tế, trong phạm vi hiểu biết của tác giả, ví điện tử thường được sử dụng để thanh toán cho các hàng hóa và dịch vụ trong lãnh thổ Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt có liên quan đến việc cá nhân thanh toán dịch vụ ở nước ngoài thông qua nền tảng thương mại điện tử thì hầu hết sẽ phụ thuộc vào chấp thuận riêng của NHNN (ví dụ như mục đích du lịch/ giải trí/ đặt vé máy bay).
- (iii) Thứ ba, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử không được phép cấp tín dụng cho khách hàng sử dụng ví điện tử, trả lãi cho số dư trong ví điện tử hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào dẫn đến làm tăng giá trị tiền tệ của số tiền mà khách hàng đã nạp vào tài khoản.
- (iv) Thứ tư, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử phải có vốn điều lệ tối thiểu là 50 tỷ đồng (xấp xỉ khoảng 2,2 triệu USD) khi thành lập.
- (v) Thứ năm, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở và duy trì tài khoản đảm bảo thanh toán được dùng để giữ tiền của khách hàng sử dụng ví tại Ngân hàng được phép và số dư trên các tài khoản đảm bảo thanh toán phải được duy trì không thấp hơn so với tổng số dư tất cả các tài khoản ví điện tử của khách hàng tại cùng một thời điểm.

⁵ Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt do Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2012, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 80/2016 / NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Nghị định số 16/2019 / NĐ -CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2019; và Thông tư số 39/2014 / TT-NHNN hướng dẫn hoạt động dịch vụ trung gian thanh toán do NHNN ban hành ngày 11/12/2014, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 20/2016 / TTNHNN do NHNN ban hành ngày 30/6/2016, Thông tư 30/2016 / TT -NHNN do NHNN ban hành ngày 14/10/2016 và Thông tư số 23/2019 / TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 22/11/2019.

⁶ Quyết định 316/QĐ-TTg về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 03 năm 2021.

⁷ Điều 4.1 và Điều 4.4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

Thanh toán xuyên biên giới B2B

Việc xử lý chậm trễ cũng như thủ tục phức tạp liên quan đến quá trình thanh toán xuyên biên giới giữa các doanh nghiệp với nhau (B2B cross-border payment) đã khiến khu vực dịch vụ này trở thành một mảnh đất màu mỡ thu hút các doanh nghiệp Fintech. Tuy nhiên, do các yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm soát ngoại hối, theo hiểu biết của tác giả, chưa có doanh nghiệp Fintech nào thành công trong việc cung cấp dịch vụ thanh toán xuyên biên giới B2B.

Về bản chất, thanh toán xuyên biên giới dưới hình thức B2B thường được hiểu là thanh toán cho việc xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của một bên xuất khẩu trong nước với một bên nhập khẩu nước ngoài hoặc ngược lại. Theo Pháp lệnh Ngoại hối, mọi giao dịch thanh toán và chuyển tiền liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thông qua một tổ chức tín dụng được phép. Về mặt định nghĩa, tổ chức tín dụng cũng có thể bao gồm cả các TCTC phi ngân hàng⁷. Tuy vậy, đối với dịch vụ thanh toán qua tài khoản (trong đó bao gồm chuyển khoản ngân hàng), pháp luật chỉ cho phép các ngân hàng thực hiện. Chính vì vậy, có thể hiểu ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng duy nhất được phép thực hiện thanh toán qua biên giới dưới hình thức B2B.

Tính độc quyền hoàn toàn ở trên được trao cho ngân hàng đã ngăn cản phần lớn (nếu không muốn nói là toàn bộ) các công ty Fintech tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ độc lập tại thị trường này. Mặc dù vậy, mô hình ngân hàng chủ đạo mà tại đó các công ty Fintech và các ngân hàng, bằng cách tận dụng lợi thế của mỗi bên (cơ sở hạ tầng và công nghệ tiên tiến của công ty Fintech kết hợp với khả năng thực hiện thanh toán xuyên biên giới của ngân hàng thương mại), hợp tác để cùng cung cấp các dịch vụ thanh toán xuyên biên giới B2B có thể là một lựa chọn khả thi cho các nhà đầu tư Fintech trên thị trường này.

Tổng quan về khung pháp lý trong lĩnh vực gọi vốn cộng đồng

Gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay (Cho vay ngang hàng và tài trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ)

Tại Việt Nam, hiện tại, gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay nói riêng và gọi vốn cộng đồng nói chung chưa được pháp luật điều chỉnh một cách cụ thể. Thực tế, vào năm 2016, dự thảo Luật Hỗ trợ DNVVN, thông qua sự vận động bởi một số bên liên quan, đã đưa ra các điều khoản cơ bản điều chỉnh 03 trong số 05 hình thức gọi vốn cộng đồng⁸, bao gồm hình thức cho vay, nhận quà tri ân và góp vốn cổ phần. Tuy nhiên, dự thảo này chưa từng được thông qua chính thức vì các nhà làm luật cho rằng với quy mô gọi vốn cộng đồng còn tương đối nhỏ trên thị trường tại thời điểm đó, việc bổ sung các quy định điều chỉnh về gọi vốn cộng đồng là chưa cần thiết.

⁷ Điều 4.1 và Điều 4.4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

⁸ Năm hình thức gọi vốn cộng đồng bao gồm: Hình thức cho vay, góp vốn cổ phần, nhận quà tri ân, từ thiện và lợi nhuận trên sản phẩm bán được.

Gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay được hiểu là tổng hòa các hoạt động cho vay trong mối quan hệ giữa người cho vay, người đi vay và nền tảng giao dịch (platform). Cốt lõi của mô hình này là một nền tảng giao dịch trung gian trực tuyến, được điều hành và giám sát bởi các công ty Fintech, thông qua đó, những người cho vay và người đi vay tiềm năng được kết nối với nhau. Trong đại đa số trường hợp, các công ty Fintech này không trực tiếp tham gia vào các hoạt động cho vay mà chỉ hỗ trợ những người tham gia trong các giao dịch này.

Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, cho vay là một trong những hoạt động ngân hàng cơ bản và được NHNN giám sát, quản lý chặt chẽ. Nói cách khác, pháp luật cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được thực hiện hoạt động ngân hàng⁹. Tuy nhiên, mối quan hệ cho vay giữa bên cho vay là cá nhân và người đi vay được thiết lập thông qua nền tảng hoạt động này có khả năng được xem là một giao dịch dân sự thông thường và do đó nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Trên thực tế, cách hiểu này đã được khẳng định bởi NHNN¹⁰. Như vậy, quan hệ cho vay được tạo ra thông qua một nền tảng giao dịch trung gian là đối tượng điều chỉnh của Bộ luật Dân sự 2015 và được tiến hành tự do bởi các bên mà không có bất kỳ giấy phép hoạt động ngân hàng nào. Trái lại, nếu xuất hiện bên cho vay là tổ chức trên các nền tảng giao dịch này, bên cho vay đó có thể được xem là đã tiến hành các hoạt động ngân hàng theo Luật Các tổ chức tín dụng 2010, và đây là một hoạt động bị cấm, trừ khi tổ chức đó được cấp giấy phép hoạt động ngân hàng có liên quan bởi NHNN.

Dù chưa có hành lang pháp lý cụ thể, gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay đang ngày càng mở rộng và phát triển mạnh mẽ. Trong dự thảo nghị định về cơ chế thử nghiệm Fintech (sandbox) (được phân tích bên dưới), các nhà làm luật đã dự tính đưa hình thức cho vay ngang hàng vào một trong các đối tượng sẽ được thử nghiệm theo cơ chế sandbox. Do đó, các doanh nghiệp Fintech hoạt động trong lĩnh vực này được khuyến khích đăng ký thực hiện theo cơ chế sandbox nhằm tạo ra một sự yên tâm về mặt pháp lý khi triển khai mô hình cho vay ngang hàng ở Việt Nam.

Gọi vốn cộng đồng dưới hình thức góp vốn cổ phần

Tương tự như gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay, pháp luật hiện hành vẫn chưa có khung pháp lý điều chỉnh hoạt động gọi vốn cộng đồng dưới hình thức góp vốn cổ phần. Với việc thiếu các quy định pháp lý cụ thể, hình thức gọi vốn này thường được dẫn chiếu về các quy định của pháp luật chứng khoán và từ đó xem xét liệu nó có thể được điều chỉnh bởi các quy định này dưới dạng một thị trường “ngách” của thị trường chứng khoán hay không¹¹. Nói cách khác, câu hỏi được đặt ra rằng liệu gọi vốn cộng đồng dưới hình thức góp vốn cổ phần có thuộc phạm vi “chào bán chứng khoán ra công chúng” và do đó phải tuân theo các yêu cầu cực kỳ nghiêm ngặt của

⁹ Điều 8.2 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

¹⁰ “Ý kiến của NHNN về việc cho vay ngang hàng” (SBV)

<https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?centerWidth=80%25&dDocName=SBV355385&leftWidth=20%25&rightWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&_adf.ctrlstat e=140koy59k_105&_afrLoop=31829824181142224#%40%3F_afrLoop%3D31829824181142224%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV355385%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dk4ivx8334_115> truy cập ngày 25 tháng 08 năm 2021.

¹¹ Fenwick (n 1) 37.

luật chứng khoán. Câu hỏi này trở thành vấn đề trọng tâm trong nghiên cứu tính khả thi pháp lý của bất kỳ doanh nghiệp nào trước khi quyết định tham gia vào bất kỳ thị trường nào tại bất kỳ quốc gia nào mà không chỉ tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, “chào bán chứng khoán ra công chúng” là một khái niệm pháp lý được đề cập tại Luật Chứng khoán 2019. Theo đó, bất kỳ phương thức chào bán chứng khoán nào sau đây sẽ được xem là chào bán ra công chúng¹², (i) Chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng; (ii) Chào bán cho từ 100 nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc (iii) Chào bán cho các nhà đầu tư không xác định. Trong đó hai hình thức đầu tiên khá rõ ràng. Tuy nhiên, quy định đối với hình thức cuối cùng có thể dẫn đến các cách giải thích khác nhau. Ví dụ, vẫn chưa rõ liệu cụm từ “không xác định” đề cập đến tính chất của loại chứng khoán được chào bán hay danh tính của người được chào bán hay là cả hai. Mặt khác, khi xét đến khái niệm chào bán riêng lẻ theo Luật Chứng khoán 2019, chào bán riêng lẻ được định nghĩa là chào bán chứng khoán không được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng miễn là nó thuộc một trong hai hình thức sau: (i) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc (ii) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp¹³. Kết hợp khái niệm này với khái niệm chào bán công khai, có thể thấy rằng nếu một tổ chức phát hành chứng khoán của mình thông qua nền tảng gọi vốn cộng đồng¹⁴ cho 99 nhà đầu tư không xác định, hoạt động này có thể vừa được xem là chào bán công khai theo Điều 4.19 của Luật Chứng khoán 2019 hoặc chào bán riêng lẻ theo Điều 4.20 luật này. Trong trường hợp được xem là chào bán công khai, tổ chức phát hành sẽ phải tuân theo các yêu cầu phức tạp và khó khăn hơn trong khi đó nếu được xem là chào bán riêng lẻ thì các yêu cầu cần phải đáp ứng là tương đối đơn giản.

Với phân tích trên, chúng tôi cho rằng cách an toàn nhất để các bên liên quan triển khai mô hình gọi vốn cộng đồng dựa trên góp vốn cổ phần ở Việt Nam là được chấp thuận tham gia vào cơ chế thử nghiệm (như phân tích bên dưới). Theo đó, việc tham gia vào cơ chế thử nghiệm này sẽ giúp những chủ thể huy động vốn / chủ sở hữu dự án (project owner) thông qua nền tảng giao dịch có thể thoát khỏi hoặc ít nhất là giảm thiểu tác động của các điều kiện và yêu cầu nghiêm ngặt áp dụng đối với việc chào bán ra công chúng theo Luật Chứng khoán 2019. Tuy nhiên, cơ chế thử nghiệm (“sandbox”) được giám sát và quản lý chủ yếu bởi NHNN trong khi các vấn đề liên quan đến chứng khoán thì do UBCKNN phụ trách. Vì vậy, khả năng mà sandbox có thể được áp dụng đối với giải pháp Fintech này vẫn chưa thật sự rõ ràng.

Tổng quan về khung pháp lý trong lĩnh vực bảo hiểm

Khó có thể tìm thấy một khái niệm thống nhất trên thế giới về InsurTech. Hiểu theo nghĩa rộng, InsurTech được hiểu là bất kỳ quy trình bảo hiểm nào cũng được triển khai thực hiện và đơn giản hoá thông qua việc sử dụng các công nghệ hiện đại. Theo nghĩa hẹp, InsurTech không đơn thuần là tận dụng công nghệ mới, mà còn là việc đưa ra mô hình bảo hiểm đột phá có khả năng giải quyết các vấn đề hiện hữu của các công ty bảo hiểm truyền thống trên thị trường. Điều này được

¹² Điều 4.19 Luật Chứng khoán 2019.

¹³ Điều 4.20 Luật Chứng khoán 2019.

¹⁴ Cho mục đích của nhận định này, nền tảng huy động vốn cộng đồng sẽ không được xem là phương tiện truyền thông đại chúng.

minh chứng bằng mô hình bảo hiểm P2P, theo đó mô hình này hướng đến giải quyết mâu thuẫn lợi ích giữa công ty bảo hiểm và người được bảo hiểm bằng cách cho phép những người được bảo hiểm cùng gộp rủi ro và vốn của họ vào một quỹ chung để giảm thiểu tổn thất và tối đa hóa lợi nhuận của họ¹⁵.

Cách hiểu theo nghĩa rộng về InsurTech hầu như không gặp phải rào cản pháp lý đáng kể nào ở Việt Nam vì theo cách hiểu này, InsurTech chỉ đơn thuần là mô hình bảo hiểm truyền thống có bổ sung thêm yếu tố công nghệ. Thật vậy, không khó để nhận ra rằng không một doanh nghiệp bảo hiểm nào tạm được xem là “InsurTech” ở Việt Nam tại Sơ đồ 2 đưa ra một mô hình bảo hiểm mới nhằm giải quyết mâu thuẫn lợi ích giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm (ví dụ mô hình bảo hiểm P2P)¹⁶. Do đó, tính khả thi của việc áp dụng mô hình bảo hiểm P2P hầu như vẫn chưa được kiểm chứng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam.

Mô hình bảo hiểm P2P có thể khác nhau ở một số hình thức phân phối nhưng nhìn chung có thể được phân loại thành (i) mô hình nhà môi giới (Friendsurance); (ii) mô hình nhà cung cấp dịch vụ (Lemonade) và (iii) mô hình tự quản (Teambrella)¹⁷. Xét thấy mô hình tự quản có thể ít phổ biến hơn nhiều và mô hình nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu nền tảng P2P có đầy đủ chức năng như một công ty bảo hiểm và do đó, phải tuân theo đầy đủ quy định cần trọng, mục này của bài viết sẽ trình bày ngắn gọn mô hình nhà môi giới nhằm xác định bản chất pháp lý của nền tảng P2P trong mô hình này.

Trong mô hình nhà môi giới, nền tảng P2P hợp tác với một hoặc nhiều bên thứ ba là công ty bảo hiểm (gọi là Các Đối tác Bảo hiểm) và cho phép khách hàng lựa chọn chính sách bảo hiểm được cung cấp bởi Các Đối tác Bảo hiểm thông qua nền tảng trực tuyến với mức phí bảo hiểm giống như khi khách hàng mua trực tiếp từ Các Đối tác Bảo hiểm đó. Nền tảng P2P sau đó sắp xếp các khách hàng vào từng nhóm có tính chất tương tự, thu phí bảo hiểm và trích ra một phần nhỏ trong khoản phí này để trả cho Đối tác Bảo hiểm đã chọn, phần còn lại sẽ tạo thành một quỹ chung của mỗi nhóm. Nền tảng P2P trước hết sử dụng số tiền quỹ này để chi trả cho các khiếu nại của khách hàng trong nhóm đó trong suốt thời hạn bảo hiểm. Nếu giá trị các yêu cầu được bảo hiểm vượt quá phần quỹ chung của nhóm thì Các Đối tác Bảo hiểm, thông qua cơ chế tái bảo hiểm, sẽ thực hiện chi trả cho các yêu cầu vượt quá đó. Nếu phần còn lại của số tiền trong nhóm vẫn còn dư vào cuối năm bảo hiểm, phần dư ra đó sẽ được tính bằng cách trừ vào phí bảo hiểm mà khách hàng phải trả trong năm bảo hiểm tiếp theo hoặc đơn giản là được hoàn lại theo tỷ lệ.

Mô hình được minh họa ở trên đặt ra câu hỏi về việc xác định vai trò chính xác của nền tảng này, liệu nền tảng này là một công ty bảo hiểm, nhà môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm hay hình thức nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Dưới đây là sự khác biệt chính về phạm vi hoạt động của các hình thức này theo pháp luật Việt Nam.

Vai trò	Phạm vi hoạt động ¹⁸
---------	---------------------------------

¹⁵ Pierpaolo Marano and Kyriaki Noussia, *InsurTech: A Legal and Regulatory View* (Springer 2020), 30

¹⁶ Angelica Wilamowicz, “The Great Fintech Disruption: InsurTech” (2019) 34 B.F.L.R 215, 229.

¹⁷ Marano and Noussia (n 11) 32.

¹⁸ Điều 60, Điều 85, Điều 90 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000.

Công ty bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tham gia kinh doanh bảo hiểm/ kinh doanh tái bảo hiểm ✓ Đề phòng và hạn chế rủi ro, tổn thất ✓ Giám định tổn thất ✓ Đại lý giám định tổn thất, xem xét và giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn ✓ Quản lý quỹ và đầu tư vốn
Đại lý bảo hiểm	<p>Hoạt động theo sự ủy quyền của công ty bảo hiểm, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giới thiệu và chào bán bảo hiểm ✓ Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm ✓ Thu phí bảo hiểm ✓ Giải quyết các yêu cầu bồi thường và trả tiền bảo hiểm khi xảy ra các sự kiện bảo hiểm ✓ Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm
Môi giới bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Cung cấp thông tin về loại hình bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, phí bảo hiểm và/ hoặc doanh nghiệp bảo hiểm cho khách hàng (bên mua bảo hiểm). ✓ Tư vấn cho khách hàng trong việc đánh giá rủi ro, lựa chọn loại hình bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, biểu phí bảo hiểm và/ hoặc doanh nghiệp bảo hiểm. ✓ Đàm phán, thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng. ✓ Thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của khách hàng.

Xét thấy, nền tảng P2P chỉ (1) tiếp thị sản phẩm của Các Đối tác Bảo hiểm, (2) thực hiện phân tích rủi ro và xác định phí bảo hiểm sẽ được thu theo cách thức mà đã được thống nhất và ủy quyền bởi Các Đối tác Bảo hiểm thông qua việc sử dụng công nghệ. Có thể hình dung rằng nền tảng P2P mang dáng dấp của một đại lý bảo hiểm và dịch vụ môi giới hơn là một công ty bảo hiểm. Tuy nhiên, khi xem xét chức năng quản lý quỹ và đầu tư vốn, có vẻ như nền tảng P2P cũng thực hiện chức năng này của một công ty bảo hiểm đối với quỹ chung của mỗi nhóm khách hàng. Pháp luật hiện hành của Việt Nam không có bất kỳ quy tắc nào có thể xác định cụ thể bản chất của các quỹ chung đó và do đó, việc nền tảng P2P trong mô hình nhà môi giới có thể được xem là một công ty bảo hiểm hay không là không thật sự rõ ràng.

Xu hướng phát triển của Fintech theo quy định pháp luật

Dưới sự xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp Fintech trên thị trường, NHNN đã đề xuất cơ chế thử nghiệm (regulatory sandbox) nhằm thử nghiệm một loạt các giải pháp Fintech. Theo dự thảo nghị định mới nhất, giải pháp Fintech mà theo đó cơ chế thử nghiệm được áp dụng có thể bao gồm những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau (i) Thanh toán; (ii) Tín dụng; (iii) Cho vay P2P; (iv) API mở; (v) Công nghệ đột phá và sáng tạo, công nghệ cao (hi-tech); và (vi) Các dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động ngân hàng (như KYC, xếp hạng tín dụng, tiết kiệm, huy động vốn, v.v.). Vì vậy, trong khi thanh toán xuyên biên giới B2B và gọi vốn dưới hình thức cho vay có thể được áp dụng tương ứng với mục (i) và (iii), thì gọi vốn cộng đồng dựa trên vốn góp và InsurTech, ở một mức độ nhất định, có thể được áp dụng thông qua mục (v).

Bất kỳ giải pháp Fintech nào được áp dụng cho cơ chế thử nghiệm đều phải đáp ứng toàn bộ các tiêu chí sau:

- (i) Toàn bộ hoặc một phần của giải pháp Fintech là chưa có hoặc có nhưng chưa đầy đủ các quy định pháp luật một cách rõ ràng.
- (ii) Giải pháp Fintech là một giải pháp sáng tạo mang lại lợi ích cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu tài chính toàn diện.
- (iii) Giải pháp Fintech được thiết kế để quản lý rủi ro một cách phù hợp, hạn chế tác động đến các tổ chức tài chính nói riêng và hệ thống tài chính nói chung, có phương án xử lý và khắc phục rủi ro trong quá trình thử nghiệm phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp.
- (iv) Chức năng, mục đích và tiện ích của giải pháp Fintech đã được người đăng ký sandbox đánh giá là chính xác và phù hợp.
- (v) Giải pháp Fintech có tính khả thi và tính thương mại cao với một kế hoạch cụ thể để cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành giai đoạn thử nghiệm sandbox.
- (vi) Với một phương án xử lý rủi ro trong quá trình thử nghiệm, giải pháp Fintech cho phép kiểm soát mà không gây bất ổn đến thị trường tài chính - ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) vẫn chưa được Chính phủ thông qua nhưng dự kiến sẽ được thông qua vào cuối năm 2021.